

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 349/2024/HS-PT

Ngày 19/4/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Lê;
Ông Võ Hồng Sơn.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.*

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1403/2023/TLPT-HS ngày 05 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Yến H do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Yến H, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đào Thị T, chị Lê Thị L và anh Nguyễn Tiến T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2023/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Nguyễn Thị Yên H, sinh năm 1984 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Khu dân cư P, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: Xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng H1 và bà Nguyễn Thị T2; có chồng và 04 con, con nhỏ nhất sinh ngày 03/6/2023; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đặng Văn S – Văn phòng luật sư Đặng Văn S và cộng sự thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

1. Chị Đào Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Tiến T1, đều sinh năm 1993; địa chỉ: Số I V, phường N, TP ., tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Người làm chứng*: Chị Nguyễn Thị T3; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có nguyên đơn dân sự, người làm chứng, không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH S2 (viết tắt là công ty S2) có trụ sở tại khu công nghiệp T, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương; ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất sản phẩm từ nhựa; người đại diện theo pháp luật là ông Teppei I, sinh năm 1978, quốc tịch Nhật Bản; trú tại S S1, E, Nhật Bản, giữ chức vụ Tổng Giám đốc và là chủ sở hữu 100% tài sản của công ty. Ông Fumiyasu N, sinh năm 1953, quốc tịch Nhật Bản; hộ chiếu số TZ1200xxx, trú tại phường H, thành phố H là Giám đốc công ty S2. Ngày 01/6/2021 công ty S2 và Nguyễn Thị Yến H ký hợp đồng lao động (không xác định thời hạn), cùng ngày Giám đốc công ty S2 ký Quyết định bổ nhiệm H làm kế toán trưởng của công ty, theo đó H có nhiệm vụ, quyền hạn: Chịu trách nhiệm về các giao dịch với cơ quan nhà nước như Cục Thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng do công ty mở tài khoản giao dịch; đảm bảo các hoạt động kế toán, ghi chép, báo cáo theo đúng Luật kế toán, ngoài ra công ty còn giao cho H làm thủ quỹ quản lý tiền mặt và thanh quyết toán các khoản chi phí của công ty. Để thực hiện giao dịch với ngân hàng và đối tác, công ty S2 mở 06 tài khoản tại 03 ngân hàng gồm: Tài khoản số 0341001638xxx (VNĐ), số 0341371657xxx (USD) tại Ngân hàng V; tài khoản số 46010003963xxx (VNĐ), số 46010370149xxx (USD) tại ngân hàng B và tài khoản số F10-795-001xxx (USD), số F15-795-002xxx (USD) tại ngân hàng M. Các tài khoản trên đều mang tên chủ tài khoản là Công ty TNHH S2.

Ngày 01/6/2021, khi bổ nhiệm H làm kế toán trưởng kiêm thủ quỹ, công ty giao cho H quản lý số tiền mặt tồn quỹ kỳ trước chuyển sang là 630.865.372 đồng (sáu trăm ba mươi triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng) và 1.072 USD (một nghìn không trăm bảy mươi hai đô la Mỹ). Từ ngày 01/6/2021 đến ngày 27/5/2022, H đã tự mình và nhờ các kế toán viên, nhân viên của công ty (khi H có việc bận) lập, ký 41 tờ séc rút tiền với nội dung: “rút tiền mặt nhập quỹ” rồi đề xuất và trình lên ông Teppei I (Tổng Giám đốc) hoặc ông Fumiyasu N (Giám đốc, được uỷ quyền khi Tổng Giám đốc vắng mặt) ký phát hành séc rút tiền mặt để chi phí mua hàng và các chi phí khác của công ty. Trong đó có 28 lần rút tiền từ tài khoản số 0341001638xxx (tài khoản VNĐ) với số tiền 22.600.000.000 đồng và 13 lần rút tiền từ tài khoản số 0341371657xxx (tài khoản USD) với số tiền 46.250 USD. Tổng số tiền H được giao quản lý trong thời điểm nêu trên là 23.252.154.572 đồng (hai mươi ba tỷ hai trăm năm mươi hai triệu một trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng) và 47.322 USD (bốn mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi hai đô la Mỹ). Sau khi rút

tiền từ ngân hàng, H nhập quỹ và chi tiêu cho các hoạt động của công ty số tiền 3.038.057.372 đồng và 46.850 USD; số tiền còn lại 19.745.670.200 đồng và 472 USD quy ra tiền Việt Nam đồng là 19.756.568.208 đồng, H chiếm đoạt và sử dụng vào việc chơi tiền ảo, trả nợ, chi tiêu cá nhân, trong đó:

- H nộp số tiền 18.960.670.200 đồng vào các tài khoản cá nhân của mình (tài khoản số 0341005027xxx và số 9978022xxx mở tại ngân hàng V; tài khoản số 46010004038xxx và số 71166006022xxx mở tại ngân hàng B) rồi chuyển khoản sử dụng 18.960.342.707 đồng chơi tiền ảo, trả nợ tiền vay, nhờ rút tiền mặt và chi tiêu cá nhân; số tiền còn lại trong các tài khoản của H là 327.493 đồng, cụ thể như sau:

- + Chuyển khoản chơi tiền ảo trên mạng internet số tiền 16.607.566.140 đồng;

- + Chuyển khoản trả nợ các khoản vay trước đó và chi tiêu cá nhân số tiền 1.735.626.567 đồng, gồm: chuyển khoản số tiền 167.061.600 đồng trả nợ bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1964 trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai; chuyển khoản số tiền 537.282.698 đồng trả nợ chị Lê Thị L và anh Nguyễn Tiến T1, sinh năm 1993 trú tại số I V, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; chuyển khoản số tiền 722.870.600 đồng đến tài khoản của chị Đào Thị T, sinh năm 1992 trú tại thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (trong đó trả nợ chị T tiền vay trước đó 600.000.000 đồng, nhờ chị T rút tiền mặt 122.870.600 đồng); chuyển khoản chi tiêu cá nhân số tiền 308.411.669 đồng (chuyển khoản mua quần áo, thanh toán tiền điện, nước, tiền học phí...).

- + Chuyển khoản số tiền 617.150.000 đồng đến tài khoản của người quen (chuyển 522.000.000 đồng đến tài khoản của chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1995, trú tại thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; chuyển 41.400.000 đồng đến tài khoản của chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1985, trú tại thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương; chuyển 53.750.000 đồng đến tài khoản của chị Lê Thị T5, sinh năm 1992, trú tại thôn N, xã Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương) nhờ rút tiền mặt rồi nộp vào tài khoản ngân hàng chơi tiền ảo theo hướng dẫn của nhân viên nhà mạng.

- Trong số tiền mặt rút về quỹ, H sử dụng 435.000.000 đồng trả nợ và chi tiêu cá nhân nhưng không nhớ trả nợ cho ai, chi tiêu cụ thể vào việc gì và sử dụng 350.000.000 đồng nộp vào tài khoản ngân hàng chơi tiền ảo theo hướng dẫn của nhân viên nhà mạng cùng với khoản tiền 617.150.000 đồng nêu trên. Khi nộp tiền mặt vào tài khoản ngân hàng chơi tiền ảo (967.150.000 đồng), H không giữ lại giấy nộp tiền vào tài khoản nên Cơ quan điều tra không xác định được thông tin về tài khoản nhận tiền để tiếp tục điều tra làm rõ.

- Đối với khoản tiền 472 USD, H đổi sang tiền Việt Nam được 10.898.008 đồng sử dụng chi tiêu cá nhân nhưng không nhớ đổi tiền USD cho ai, khi nào và sử dụng chi tiêu vào việc gì.

Để tránh bị Công ty phát hiện, hàng tháng H làm các báo cáo tài chính không và gửi qua ứng dụng Gmail cho ông Teppei I - Tổng Giám đốc công ty. Ngày 30/5/2022, công ty S2 đã cùng H kiểm kê tiền mặt, xác định: Tại kết sắt nơi H để tiền mặt của công ty còn lại 468.427.000 đồng, H đã bàn giao số tiền 468.427.000 đồng cho công ty cùng toàn bộ hệ thống sổ sách và giấy tờ, tài liệu do H quản lý.

Quá trình điều tra xác định: Trong số 41 lần rút tiền từ tài khoản của công ty, có 3 lần H nhờ chị Vũ Thị H3, sinh năm 1993, trú tại thôn T, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương là kế toán của công ty S2 viết séc, ký tên, đi rút tiền và mang tiền về đưa cho H số tiền 1.000.000.000 đồng và 2.800 USD (séc số BM 3003xx ngày 01/6/2021, số tiền 500.000.000 đồng, số BN 3541xx ngày 09/6/2021, số tiền 500.000.000 đồng và số BB 8039xx ngày 09/6/2021, số tiền 2.800 USD); H nhờ chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1995, trú tại thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương, là kế toán của công ty S2 viết hộ séc số B07381xx ngày 25/02/2022, số tiền 1.100.000.000 đồng và séc số BB 04062xx ngày 07/12/2021, số tiền 4.100 USD, rồi H trực tiếp ký séc, ký phiếu chi tiền và đi rút tiền tại ngân hàng.

Cơ quan CSĐT Công an huyện C và Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký, hình dấu tròn trong 41 tờ séc rút tiền và phiếu chi kèm theo. Tại Kết luận giám định số 216 ngày 30/10/2022 của Phòng K Công an tỉnh H và Kết luận giám định số 7457/KL-KTHS ngày 28/02/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, thể hiện:

- Hình dấu tròn trong 41 tờ séc với hình dấu tròn của Công ty TNHH S2 là cùng một dấu đóng ra;

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Yên H tại các mục “Người nhận tiền”, “Kế toán trưởng”, trong 41 tờ séc và 38 phiếu chi là chữ ký của Nguyễn Thị Yên H; chữ viết trong 36 tờ séc là chữ viết của Nguyễn Thị Yên H;

- Chữ ký đứng tên Vũ Thị H3 tại các mục “Người nhận tiền” trong 03 phiếu chi và chữ viết trên 03 tờ séc (số BM 3003xx ngày 01/6/2021, số BN 3541xx ngày 09/6/2021 số BB 8039xx ngày 09/6/2021) là chữ viết, chữ ký của Vũ Thị H3;

- Chữ viết trên 02 tờ séc số B07381xx ngày 25/02/2022 và số BB 04062xx ngày 07/12/2021 là chữ viết của Nguyễn Thị H2.

- Chữ ký đứng tên Teppei I trong 17 tờ séc là chữ ký của ông Teppei I; chữ ký đứng tên Fumiyasu N trong 24 tờ séc là chữ ký của ông Fumiyasu N.

Tại bản Cáo trạng số 50/CT-VKS-P1 ngày 31/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đã truy tố Nguyễn Thị Yên H về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, quyết định: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39 Bộ

luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị Yến H tù chung thân về tội “Tham ô tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 167 Bộ luật Dân sự.

- Buộc Nguyễn Thị Yến H có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH S2 số tiền 17.563.130.510 đồng (mười bảy tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu một trăm ba mươi nghìn năm trăm mười đồng).

- Truy thu của chị Lê Thị L và anh Nguyễn Tiến T1 số tiền 537.282.698 đồng (năm trăm ba mươi bảy triệu hai trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng), truy thu của chị Đào Thị T số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) trả cho Công ty TNHH S2.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/9/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đào Thị T có đơn kháng cáo nội dung: Kháng cáo 1 phần trách nhiệm dân sự của Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tuyên truy thu số tiền 600.000.000 đồng của chị T để trả cho Công ty TNHH S2 là không có cơ sở vì xác định nguồn gốc khoản tiền trả nợ do bị cáo phạm tội mà có là vật chứng trong vụ án hình sự là không đúng quy định theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Ngày 20/9/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị L và anh Lê Tiến T6 có đơn kháng cáo nội dung: Tòa án tuyên truy thu số tiền 537.282.698 đồng của vợ chồng anh chị là ảnh hưởng đến quyền lợi của anh, chị. Anh chị kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi của anh chị trong Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Ngày 26/9/2023, bị cáo Nguyễn Thị Yến H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Yến H giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đào Thị T, chị Lê Thị L và anh Lê Tiến T6 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Yến H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đào Thị T, chị Lê Thị L, anh Lê Tiến T6, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi con nhỏ và phụng dưỡng bố mẹ già nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của bị cáo, ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị Yến H đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo H phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự, người liên quan, người làm chứng, sao kê tài sản ngân hàng, kết luận giám định cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 01/6/2021 đến ngày 27/5/2022, Nguyễn Thị Yến H là kế toán trưởng kiêm thủ quỹ của Công ty TNHH S2 có trụ sở tại khu công nghiệp T, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương. H được công ty giao nhiệm vụ lập chứng từ rút tiền mặt từ tài khoản ngân hàng về nhập quỹ, trực tiếp quản lý tiền và lập chứng từ, thanh quyết toán các khoản chi của Công ty nhưng đã chiếm đoạt số tiền 19.745.670.200 đồng và 472 USD, quy tiền Việt Nam đồng là 19.756.568.208 đồng, sử dụng chơi tiền ảo, trả nợ và chi tiêu cá nhân. Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo H về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Yến H: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã trả một phần tiền chiếm đoạt cho công ty; quá trình điều tra và tại phiên tòa cơ bản thành khẩn khai báo; trong giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo có thai; sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú; bố mẹ đẻ của bị cáo được tặng thưởng huân huy chương nên áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng quyền hạn của mình nhiều lần chiếm đoạt tài sản của Công ty thuộc trách nhiệm quản lý của mình, số tiền chiếm đoạt rất lớn gây nên hậu quả và ảnh hưởng nghiêm trọng đối với Công ty nên đã xử phạt bị cáo tù chung thân là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo; mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới; vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận

kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo H; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Xét kháng cáo của chị Lê Thị L và anh Nguyễn Tiến T1, chị Đào Thị T: Đối với chị Lê Thị L và anh Nguyễn Tiến T1, chị Đào Thị T nhận tiền trả nợ từ bị cáo, mặc dù không biết nguồn gốc tiền trả nợ do bị cáo phạm tội mà có nhưng xác định các khoản tiền này là vật chứng trong vụ án hình sự và phía Công ty có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu ngay tình theo quy định tại Điều 167 Bộ luật Dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định truy thu số tiền bị cáo H đã trả cho chị L và anh T1, chị T có nguồn gốc từ tiền chiếm đoạt của Công ty để trả lại cho Công ty; truy thu của chị L và anh T1 số tiền là 537.282.698 đồng, truy thu của chị T số tiền 600.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Việc vay nợ giữa bị cáo với chị L và anh T1, chị T do hai bên tự giải quyết hoặc nếu có yêu cầu thì được giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị L và anh Nguyễn Tiến T1, chị Đào Thị T; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Thị Yến H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; những người liên quan có kháng cáo chị Lê Thị L và anh Nguyễn Tiến T1, chị Đào Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Yến H; chị Lê Thị L và anh Nguyễn Tiến T1, chị Đào Thị T; giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương;

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị Yến H tù chung thân về tội “Tham ô tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 167 Bộ luật Dân sự.

Truy thu của chị Lê Thị L và anh Nguyễn Tiến T1 số tiền 537.282.698 đồng (năm trăm ba mươi bảy triệu hai trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm chín

mười tám đồng), truy thu của chị Đào Thị T số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) trả cho Công ty TNHH S2.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Yến H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; chị Đào Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0000297 ngày 20/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Tiến T1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0000301 ngày 20/11/2023, trả lại cho chị Lê Thị L, anh Nguyễn Tiến T1 số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0000298 ngày 20/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Công an tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo (theo đ/c);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Lê

Võ Hồng Sơn

Lê Thị Thúy Bình

